TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 7A/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2020.
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Chiến- Cán bộ hưu.
Ông Nguyễn Hoàng Tâm- Cán bộ hưu.
-Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 21/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2019/TLST- HNGĐ ngày 10/7/2019 về việc " Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/01/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh ngày 20/12/1989.

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 17, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 24/6/1983.

Hộ chiếu số N1774309 do Đại sứ quán Việt Nam tại Séc cấp.

Nơi cư trú: Strnadova 1954/35-32*** Plzen ceska, Cộng hòa Séc.

Hiện ở: thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và các biên bản làm việc nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng:Tôi kết hôn với anh Nguyễn Ngọc D trên cơ sở có sự mai mối, giới thiệu nhưng tự nguyện. Chúng tôi đăng ký kết hôn ngày 17/11/2017 tại UBND thành phố B. Sau khi kết hôn chúng tôi chưa chung sống cùng nahu mà tôi vẫn ở Việt Nam, anh D ở Cộng hòa Séc. Kết hôn được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chúng tôi chưa có tìm hiểu kỹ về nhau, chưa có quá trình chung sống chung và khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm giữa tôi và anh D ngày càng xa cách. Do điều kiện hoàn cảnh, giấy tờ khó khăn nên tôi cũng không thể sang chung sống tại nước ngoài cùng anh D được. Chúng tôi không liên lạc với nhau đã một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện tôi cũng không biết chính xác anh D đang ở đâu, làm gì, chỉ biết anh có địa chỉ cư trú tại Cộng hòa Séc khi đăng ký kết hôn. Vì vậy mục đích của hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Tôi và anh D không có con chung do vậy tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chúng tôi không có tài sản chung gì, cũng không nợ nần ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc D có địa chỉ tại nước ngoài, đã về Việt Nam cư trú tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã có quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai do TAND huyện Y thực hiện, anh D có quan điểm trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phạm Thị H đăng ký kết hôn tại UBND thành phố B trên cơ sở có sự tìm hiểu, tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống thường xảy ra cãi vã nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Tôi xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn nên đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Tôi và chị H không có con chung do vậy tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm chị H, anh D xin vắng mặt, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

+ Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ:không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D là bị đơn, có địa chỉ tại Strnadova 1954/35-32*** Plzen ceska, Cộng hòa Séc. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật: đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án thì anh D về Việt Nam, căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự thì TAND tỉnh Bắc Giang tiếp tục giải quyết vụ án mà không thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2].Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa chị H, anh D vắng mặt nhưng đã có bản tự khai trình bày quan điểm, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Ngọc D.

[3].Về quan hệ Hôn nhân:

[3.1]. Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Nguyễn Ngọc D trên cơ sở có sự tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/11/2017 tại UBND thành phố B. Do đó, HĐXX xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do chưa có tìm hiểu kỹ về nhau, chưa có quá trình chung sống chung và khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Do điều kiện hoàn cảnh, giấy tờ khó khăn nên chị H cũng không thể sang chung sống tại nước ngoài cùng anh D được. Vợ chồng không liên lạc với nhau đã một thời gian dài, không ai quan tâm

đến ai nữa. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậychị H làm đơn khởi kiện để nghị xin ly hôn anh D. Anh D cũng đồng ý ly hôn với chị H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt 1 thời gian dài anh D, chị H đã không còn liên lạc với nhau, cả 2 bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh D và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

[4]. Về con chung: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Ngọc D trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xửkhông đặt ra giải quyết.

[5].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Ngọc D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6].Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147- Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Do các đương sự đều cư trú tại Việt Nam nên các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 và khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 3, Điều 39;khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

2. Vềán phí ly hôn sơ thẩm: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000359 ngày 04/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương cư trú tại Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND thành phố B;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng